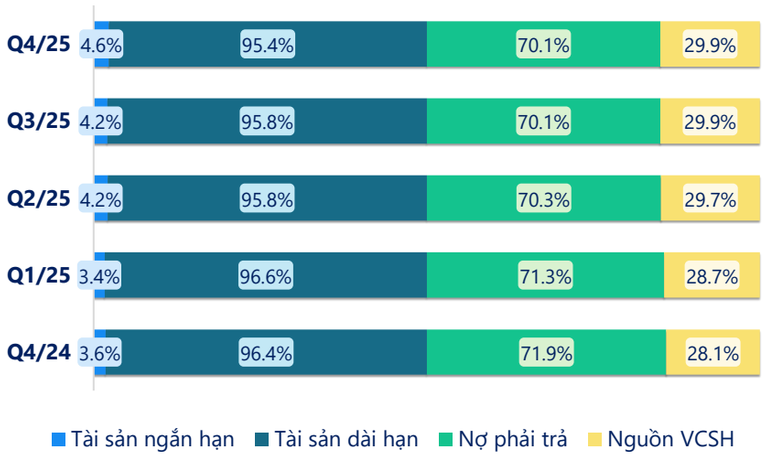
FireAnt

CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả (HSX: HHV)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	13,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,355
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,299
SL cổ phiếu LH	547,176,303
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,359,750
% sở hữu nước ngoài	9.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,195
P/E	12.2
EPS	1,074

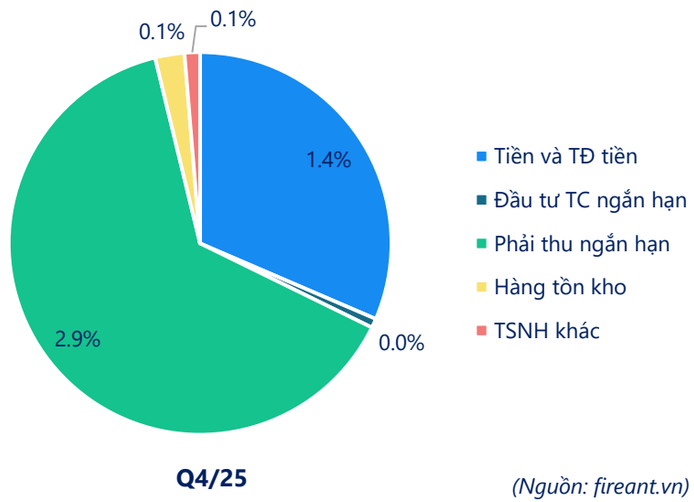
	YTD	1T	3T	6T
HHV	20.9%	-7.1%	-12.8%	11.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



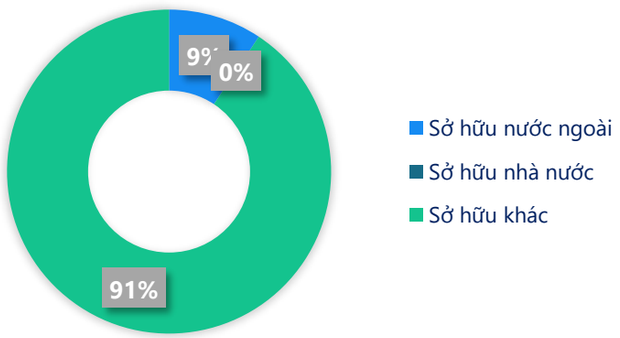
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



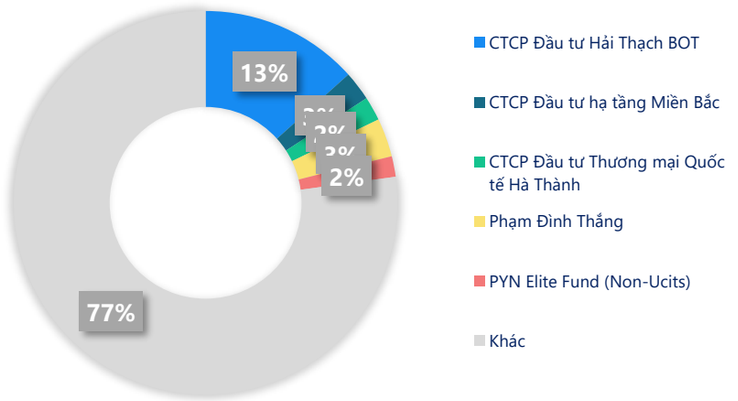
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



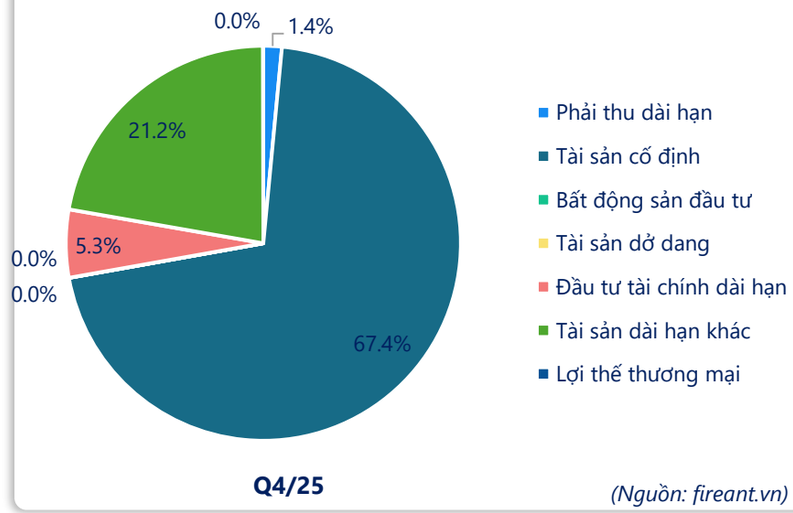
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

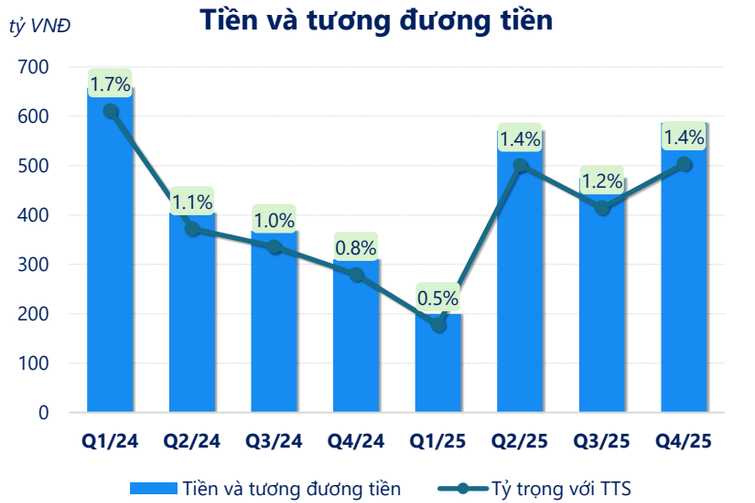


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

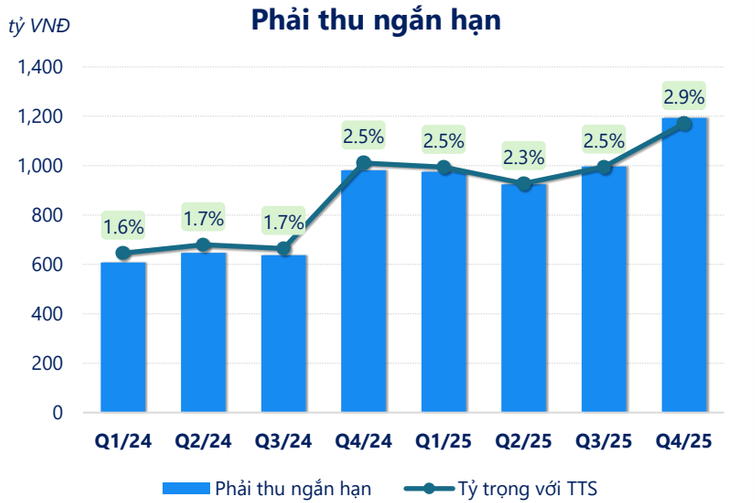
CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả (HSX: HHV)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



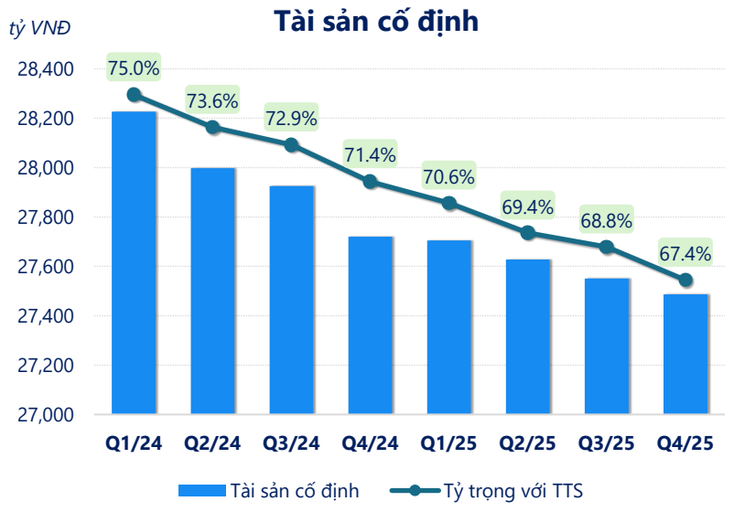
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



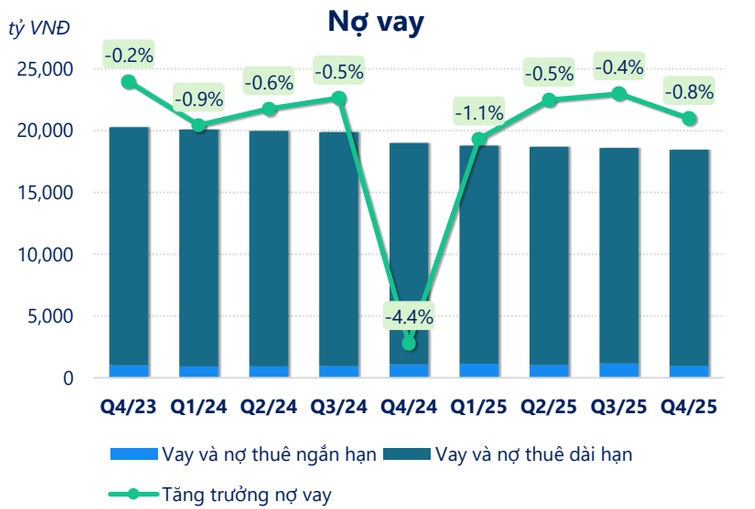
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



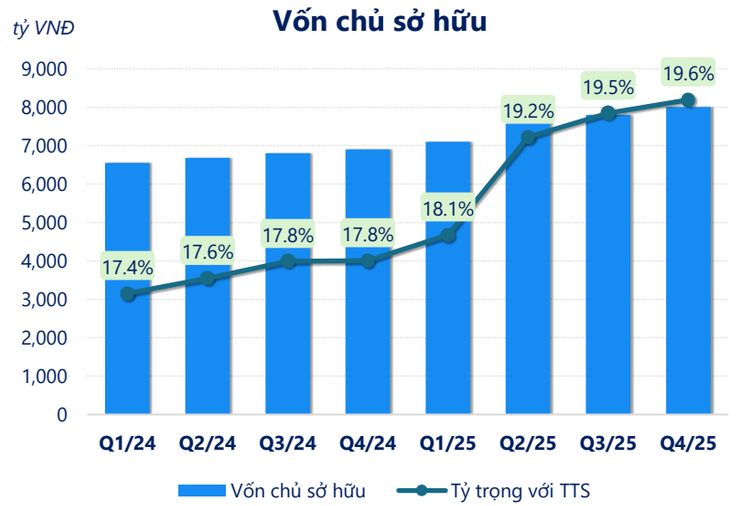
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

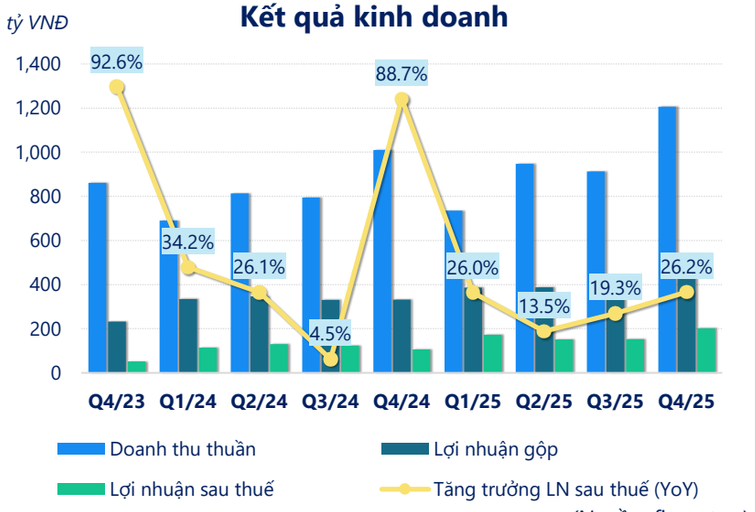


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

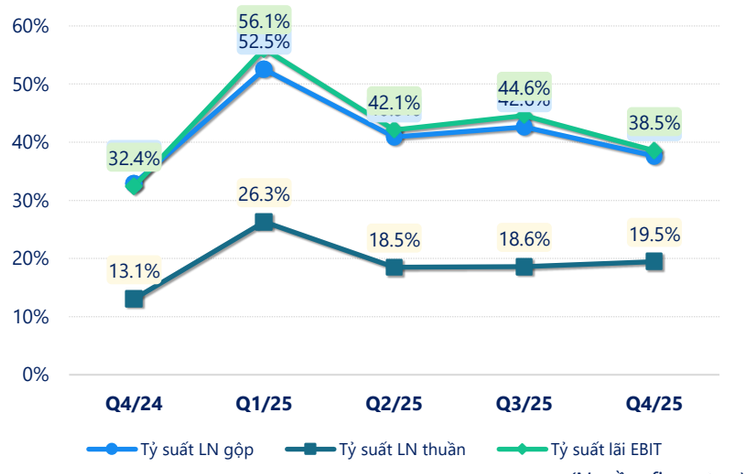
CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả (HSX: HHV)

Kết quả kinh doanh



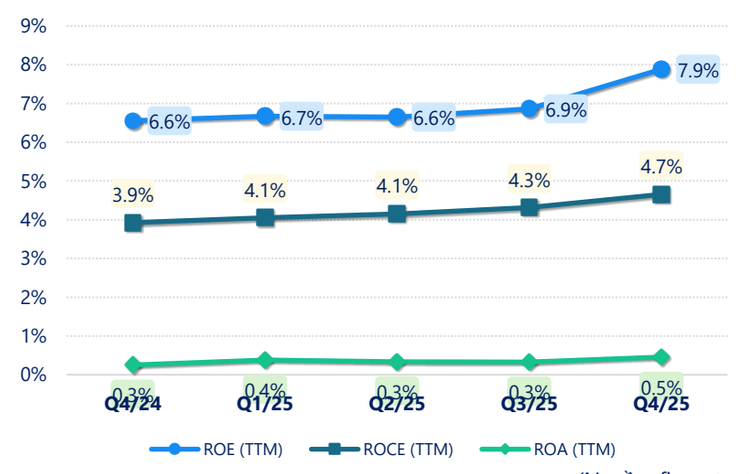
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



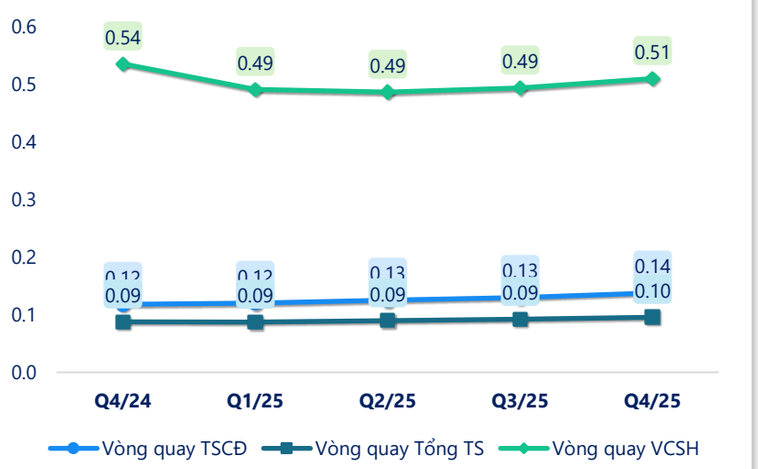
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



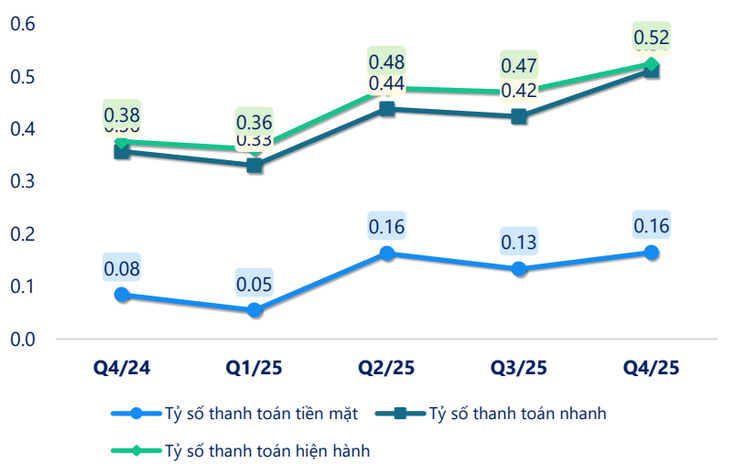
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



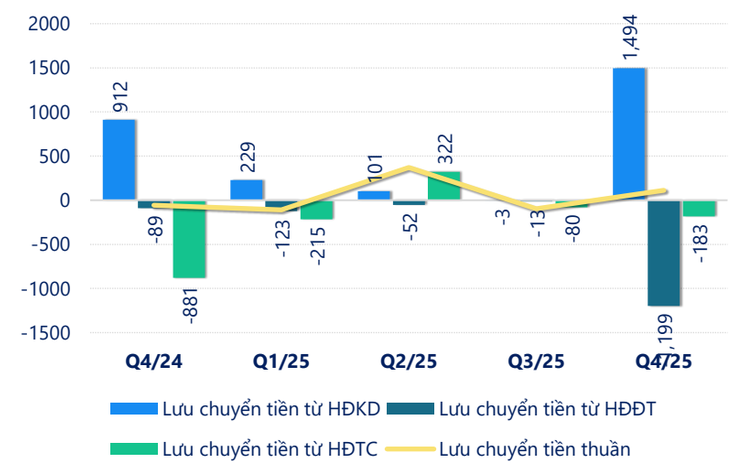
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả (HSX: HHV)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**40,753**	**38,906**	**4.7%**
Tài sản ngắn hạn	1,865	1,283	45.4%
Tiền và tương đương tiền	587	309	89.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.6	6.43	126%
Phải thu ngắn hạn	1,193	878	35.8%
Hàng tồn kho	46.2	67.7	-31.8%
Tài sản ngắn hạn khác	24.4	21.6	13.0%
Tài sản dài hạn	**38,889**	**37,623**	**3.4%**
Phải thu dài hạn	588	940	-37.5%
Tài sản cố định	27,486	27,803	-1.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.38	11.1	-69.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,159	1,089	98.4%
Tài sản dài hạn khác	**8,642**	**7,769**	**11.2%**
Lợi thế thương mại	9.21	11.7	-21.1%
Nợ phải trả	28,576	27,977	2.1%
Nợ ngắn hạn	**3,559**	**3,679**	**-3.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	980	1,081	-9.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,037	903	14.8%
Nợ dài hạn	25,017	24,298	3.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	17,479	17,912	-2.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**12,178**	**10,930**	**11.4%**
Vốn chủ sở hữu	**8,005**	**6,922**	**15.6%**
Vốn điều lệ	4,974	4,323	15.1%
Kinh phí và quỹ khác	**4,173**	**4,008**	**4.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,010	735	947	914	1,206
Giá vốn hàng bán	678	349	560	524	752
Lợi nhuận gộp	332	386	387	390	454
Doanh thu HĐTC	14.9	13.9	14.7	14.5	15.1
Chi phí TC	205	221	227	237	233
Chi phí lãi vay	194	218	224	234	230
LN trong công ty LKLD	8.74	30.8	20.1	20.5	19.1
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	19.3	16.9	19.8	17.8	20.7
LN thuần từ HĐKD	132	193	175	170	235
Lợi nhuận khác	1.26	1.10	-0.38	3.61	-0.11
LN trước thuế	133	194	175	174	235
Lợi nhuận sau thuế	106	173	151	152	202
LNST của CĐ cty mẹ	95.5	146	131	129	182

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	912	229	101	-3.07	1,494
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-89.1	-123	-52.1	-13.1	-1,199
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-881	-215	322	-79.6	-183
Tiền đầu kỳ	368	309	200	570	475
Lưu chuyển tiền thuần	**-57.6**	**-109**	**371**	**-95.8**	**112**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	310	200	570	475	587

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic